

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2026/QH16

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng
đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Sau khi xem xét Tờ trình số .../TTr-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số ... ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban Kinh tế - Tài chính về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội, các tài liệu liên quan và ý kiến của các đại biểu Quốc hội.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội (sau đây gọi là Dự án).

Điều 2

1. Mục tiêu:

Hình thành tuyến đường bộ cao tốc kết nối Thủ đô Hà Nội với các địa phương trong Vùng nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải bền vững, góp phần tạo động lực lan tỏa, mở ra không gian phát triển kinh tế mới; tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần giảm ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường; góp phần hoàn thiện, đồng bộ hệ thống đường vành đai Thủ đô Hà Nội và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo Nghị quyết của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và các Nghị quyết của Đảng.

2. Phạm vi, địa điểm, quy mô:

Đầu tư khoảng 349km thuộc địa phận 07 tỉnh, thành phố Hà Nội, Ninh Bình,

Hung Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Phú Thọ, chia thành 22 dự án thành phần; quy mô từng dự án thành phần được xác định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Giai đoạn 2026 - 2030 ưu tiên đầu tư xây dựng khoảng 116km thuộc địa phận 04 tỉnh, thành phố Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh.

3. Công nghệ:

Dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm yêu cầu về an toàn, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức thi công, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hình thức thu phí điện tử không dừng trong khai thác, vận hành.

4. Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất:

Sơ bộ tổng nhu cầu sử dụng đất khoảng 4.011 ha, gồm đất dân cư (đất ở) khoảng 465 ha; đất trồng lúa khoảng 1.776 ha; đất lâm nghiệp khoảng 210ha; đất khác 1.560 ha. Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư toàn tuyến một lần theo quy mô quy hoạch.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

a) Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án là 288.268 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí trong các kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn và nguồn vốn hợp pháp khác. Trong đó, nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 bố trí khoảng 59.700 tỷ đồng để đầu tư tuyến chính cao tốc.

6. Hình thức đầu tư:

Dự án theo hình thức đầu tư công. Trong bước Báo cáo nghiên cứu khả thi, tiếp tục nghiên cứu phương thức đầu tư đối tác công tư, trường hợp không khả thi sẽ thực hiện hình thức đầu tư công.

7. Tiến độ thực hiện:

Chuẩn bị đầu tư dự án từ năm 2026, thực hiện dự án năm 2027, cơ bản hoàn thành công trình năm 2030, đưa vào vận hành, khai thác năm 2031 đối với các đoạn được cân đối vốn và ưu tiên đầu tư xây dựng giai đoạn 2026 - 2030; phần đầu hoàn thành toàn tuyến trước năm 2035.

Điều 3

Dự án được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt sau đây:

1. Trong thời gian Quốc hội không họp, Quốc hội ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án.

2. Dự án không phải thẩm định, đánh giá nguồn vốn, khả năng cân đối vốn theo quy định của Luật Đầu tư công. Trong quá trình thực hiện Dự án, Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn vượt thu hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí đủ vốn cho Dự án phù hợp với tiến độ thực hiện.

3. Về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư tổ chức thực hiện tiểu dự án hoặc các tiểu dự án di dời công trình điện có điện áp từ 110 kV trở lên.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Dự án đi qua triển khai xây dựng khu tái định cư cho Dự án trên cơ sở hồ sơ thiết kế sơ bộ trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

c) Các địa phương được tổ chức thực hiện việc thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và xây dựng hạ tầng (san lấp mặt bằng, xây dựng đường giao thông) tại khu đất tái bố trí cho các doanh nghiệp bị di dời, nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng Dự án. Kinh phí thu hồi đất, xây dựng hạ tầng nêu trên được tính trong dự án thành phần giải phóng mặt bằng của Dự án.

4. Cho phép UBND các tỉnh, thành phố quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bãi đổ chất thải rắn xây dựng trong Hồ sơ khảo sát Dự án và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu để đổ chất thải rắn xây dựng của Dự án. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố tổ chức quản lý bãi đổ chất thải rắn xây dựng của Dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện trong bước nghiên cứu khả thi của Dự án. Hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là thành phần hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án. Quyết định phê duyệt Dự án đồng thời là Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

6. Cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc Dự án. Trình tự, thủ tục chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

7. Trường hợp việc lập, thẩm định, phê duyệt Dự án có nội dung khác với quy hoạch có liên quan thì Dự án được phê duyệt mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch. Sau khi Dự án được phê duyệt, các quy hoạch có liên quan phải được kịp thời rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố.

8. Sau khi trừ đi chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực phát triển khu đô thị, khu chức năng hai bên tuyến đường Vành đai 5 và chi phí khác có liên quan theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp tỉnh được giữ lại một phần tỷ lệ để nộp vào ngân sách địa phương và phần còn lại nộp vào ngân sách trung ương.

9. Cho phép Bộ trưởng Bộ Xây dựng/Chủ tịch UBND cấp tỉnh được giao làm cơ quan chủ quản các dự án thành phần được quyết định hình thức đầu tư hoặc điều chỉnh hình thức đầu tư các dự án thành phần, tổng hợp báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4

1. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Triển khai tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác, vận hành Dự án theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan; đôn đốc, kiểm tra

các địa phương được giao làm cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền bảo đảm nguồn vốn thực hiện và tiến độ, chất lượng Dự án. Bảo đảm tính chính xác của số liệu liên quan tới Dự án;

b) Tính toán phạm vi và tổng mức đầu tư các dự án thành phần trong bước Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Quyết định cụ thể cơ quan chủ quản các dự án thành phần; chỉ đạo cơ quan chủ quản tiếp tục nghiên cứu, ưu tiên huy động nguồn đầu tư các dự án thành phần theo phương thức PPP trong bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi để lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp.

d) Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hiệu quả, không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình thực hiện Dự án; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư và hỗ trợ triển khai thực hiện Dự án.

2. Các địa phương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bảo đảm tiến độ, chất lượng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án;

3. Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai đầu tư xây dựng đường song hành; được chủ động cân đối, bố trí vốn ngân sách địa phương trong điều kiện nguồn ngân sách trung ương chưa được bố trí; khẩn trương rà soát quy hoạch có liên quan để quyết định phạm vi, quy mô đường song hành; bố trí nguồn lực xây dựng các tuyến giao thông kết nối với Vành đai 5 đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực; quản lý quỹ đất hai bên tuyến để phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ; xác định các mỏ vật liệu, khu vực đổ thải để phục vụ Dự án.

Ủy ban nhân dân các tỉnh Ninh Bình, Phú Thọ đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án liên quan đảm bảo khớp nối, đồng bộ, khai thác hiệu quả với đường Vành đai 5; UBND thành phố Hà Nội triển khai đầu tư nút giao giữa đường Vành đai 5 với trục Hồ Tây - Ba Vì, cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình bảo đảm đầu tư đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

4. Bộ Xây dựng, các địa phương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội của Dự án; bảo đảm nguồn vốn ngân sách địa phương tham gia Dự án.

Điều 5

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận chủ trương đầu tư Dự án, giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội,

trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ nhất thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC

Danh mục các dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/QH16 ngày tháng năm 2026)

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô đầu tư		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (tỷ đồng)		Dự kiến cơ quan chủ quản
			Số làn xe	Cấp đường (km/h)		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
1	DATP 1-1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả phạm vi đường cao tốc và đường song hành) trên địa bàn thành phố Hà Nội	51			21.903	13.298	8.605	UBND thành phố Hà Nội
2	DATP 1-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn thành phố Hà Nội	48	6	100-120	18.398	18.398		UBND thành phố Hà Nội
3	DATP 1-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn thành phố Hà Nội	102	2	60-80	7.448		7.448	UBND thành phố Hà Nội
4	DATP 2-1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả phạm vi đường cao tốc và đường song hành) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	72			10.241	6.902	3.339	UBND tỉnh Phú Thọ
5	DATP 2-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Thọ	72	6	100-120	24.148	24.148		UBND tỉnh Phú Thọ
6	DATP 2-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Thọ	130	2	60-80	6.716		6.716	UBND tỉnh Phú Thọ
7	DATP 3-1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả phạm vi đường cao tốc và đường song hành) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	46			10.222	7.140	3.082	UBND tỉnh Thái Nguyên
8	DATP 3-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên	46	6	100-120	14.085	14.085		UBND tỉnh Thái Nguyên

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô đầu tư		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (tỷ đồng)		Dự kiến cơ quan chủ quản
			Số làn xe	Cấp đường (km/h)		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
9	DATP 3-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên	85	2	60-80	4.705		4.705	UBND tỉnh Thái Nguyên
10	DATP 4-1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả phạm vi đường cao tốc và đường song hành) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	49			14.201	9.020	5.181	UBND tỉnh Bắc Ninh
11	DATP 4-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh	49	6	100-120	22.214	22.214		UBND tỉnh Bắc Ninh
12	DATP 4-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh	97	2	60-80	7.738		7.738	UBND tỉnh Bắc Ninh
13	DATP 5-1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả phạm vi đường cao tốc và đường song hành) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	27			5.379	2.284	3.095	UBND tỉnh Hưng Yên
14	DATP 5-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Hưng Yên	22	6	100-120	6.433	6.433		UBND tỉnh Hưng Yên
15	DATP 5-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Hưng Yên	59	2	60-80	4.898		4.898	UBND tỉnh Hưng Yên
16	DATP 6-1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả phạm vi đường cao tốc và đường song hành) trên địa bàn thành phố Hải Phòng	63			15.778	10.944	4.835	UBND thành phố Hải Phòng
17	DATP 6-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng	61	6	100-120	34.969	34.969		UBND thành phố Hải Phòng
18	DATP 6-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng	110	2	60-80	12.920		12.920	UBND thành phố Hải Phòng

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô đầu tư		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (tỷ đồng)		Dự kiến cơ quan chủ quản
			Số làn xe	Cấp đường (km/h)		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
19	DATP 7-1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm cả phạm vi đường cao tốc và đường song hành) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	5			418	263	155	UBND tỉnh Ninh Bình
20	DATP 7-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình	32	6	100-120	25.930	25.930		UBND tỉnh Ninh Bình
21	DATP 7-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình	5	2	60-80	360		360	UBND tỉnh Ninh Bình
22	DATP 8: Xây dựng 03 cầu: Vĩnh Thịnh, Thái Hà và Sông Luộc	19	6	100-120	19.164	19.164		Bộ Xây dựng